

Bản án số: **151** /2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 12/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Tòa án tỉnh B và điểm cầu Tòa án nhân dân huyện thành phố B vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2022 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Số 46, đường Thân Công Tài, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B

***Bị đơn:** Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 13, tổ dân phố số 04, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B

Hiện đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Kim T có tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Thọ Xương vào ngày 01/02/1984.

Trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về chung sống cùng nhau. Sau khoảng một thời gian chung sống đến năm 2002 chị T đi nước ngoài nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống....Do anh chị bất đồng quan điểm sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên khi giải quyết một vấn đề chung thì vợ chồng không thể giải quyết được. Chị T đi Ba Lan từ đó đến nay và ở đó làm việc, anh chị không còn liên lạc với nhau từ năm 2008. Nay anh xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 1985 và cháu Nguyễn Lê Kim Trinh, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị T đến nay Tòa án không nhận được thông tin của chị T.

Tòa án đã xác minh M T thập chứng cứ thông qua anh trai của chị T là ông Lê Văn Hoan, sinh năm 1953. Địa chỉ: số nhà 74, ngõ 291, đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B có quan điểm trình bày như sau:

Ông là anh trai của chị T có địa chỉ như trên, hiện nay chị T đang đi lao động tại nước ngoài và vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của chị T ở nước ngoài, ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để chị T gửi qua điểm về thì gia đình, ông từ chối thực hiện. Việc anh M xin ly hôn, chị T có quan điểm là không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vẫn còn, vợ chồng có thể đoàn tụ. Về con chung đã trưởng thành chị T không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do chị T không đồng ý ly hôn với anh M nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa anh M trình bày: Vợ chồng anh đã không liên lạc với nhau từ năm 2008, chị ở nước ngoài cũng không gửi tiền về cho anh, không chung nhau

về kinh tế. Việc chị trình bày với anh trai chị không đồng ý ly hôn anh với anh, anh không đồng ý. Anh giữ nguyên quan điểm xác định anh không còn tình cảm gì với chị nhiều năm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Ngọc M được ly hôn chị Lê Thị Kim T. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành anh M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: Anh M không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Ngọc M là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với chị Lê Thị Kim T. Bị đơn chị T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại số nhà 13, tổ dân phố số 04, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 15091/QLXNC-P5 ngày 21/7/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị T đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 14/02/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị T. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Lê Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Ngọc M và chị Lê Thị Kim T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Xương ngày 01/02/1984 xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc M và chị T là hôn nhân hợp pháp. Việc chị T trình bày với anh trai chị T là ông Lê Văn Hoan, chị T không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vẫn còn. Tuy nhiên tại phiên tòa anh M giữ quan điểm. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng anh chị đã không liên lạc với nhau từ năm 2008, mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và không cung nhau về kinh tế nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh M và chị T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Ngọc M được ly hôn chị Lê Thị Kim T.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 1985 và cháu Nguyễn Lê Kim Trinh, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh M không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc M được ly hôn chị Lê Thị Kim T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000500 ngày 06/7/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Lê Thị Kim T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Ngọc M cư trú tại Việt Nam có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- UBND phường Thọ Xương, Tp B.
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương

